

THÔNG BÁO

Công nhận kết quả trúng tuyển viên chức làm giáo viên trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Quyết định số 861/QĐ-SGDĐT ngày 29/11/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng về việc ban hành Kế hoạch Tuyển dụng viên chức làm giáo viên trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 68/QĐ-SGDĐT ngày 27/01/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng về việc Công nhận kết quả thi tuyển viên chức (vòng 2); Thông báo số 310/TB-SGDĐT ngày 01/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về kết quả chấm phúc khảo tuyển dụng viên chức. Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo đến thí sinh trúng tuyển như sau:

1. Công nhận kết quả trúng tuyển viên chức làm giáo viên trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (có danh sách kèm theo).

2. Thí sinh trúng tuyển nộp hồ sơ tuyển dụng về Sở Giáo dục và Đào tạo trong thời gian 30 ngày kể từ ngày ra thông báo.

- Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Tổ chức hành chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Tầng 9 Trung tâm Hành chính tỉnh, Số 36 Trần Phú, Đà Lạt, Lâm Đồng.

- Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

+ Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).

+ Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển. /.

Nơi nhận:

- Thí sinh trúng tuyển;
- Website Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, TCHC.



GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Hồng Hải



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN

Ban hành kèm theo Thông báo số 337/TB-SGDĐT ngày 01/3/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng

STT	Số BD	Họ và tên		Ngày sinh		Dân tộc	Đăng ký dự tuyển			Điểm Bài thi	Ưu tiên	Điểm Tổng	Ghi chú
				Nam	Nữ		Mã số CDNN	Môn	Đơn vị				
1	TH02	Trần Thị Bích Hồng	Liên		26/09/1994	Kinh	V.07.03.29	GDDB	Trường Hoa Phong Lan	75,5		75,5	
2	TH06	Trần Thị Thanh	Lam		08/12/1997	Kinh	V.07.03.29	Tiểu học	Trường Khiêm thính	70		70	
3	CS01	Nguyễn Thị Tiểu	Phụng		19/10/1998	Kinh	V.07.04.32	Ngữ văn	Trường THCS&THPT Đạ Nhim	65,5		65,5	
4	CS04	Nguyễn Thị Thu	Thùy		28/02/1996	Kinh	V.07.04.32	Ngữ văn	Trường THCS&THPT Tà Nung	74		74	
5	CS05	Nguyễn Thị Thu	Nữ		26/04/1993	Kinh	V.07.04.32	Ngữ văn	Trường THCS&THPT Xuân Trường	69,5		69,5	
6	CS07	Bùi Phương	Thảo		30/07/1996	Kinh	V.07.04.32	Toán học	Trường THCS&THPT Đạ Nhim	76		76	
7	CS14	Liêng Jrang Ma	Niêm		05/09/1995	Cill	V.07.04.32	Toán học	Trường THCS&THPT Đạ Sar	74	DTTS	79	
8	CS16	Phan Thị	Cung		05/01/1996	Kinh	V.07.04.32	Vật lý	Trường THCS&THPT Tà Nung	78,5		78,5	
9	CS19	Đinh Thị	Huyền		10/04/1993	Kinh	V.07.04.32	Tin học	Trường THCS&THPT Đồng Đa	78		78	
10	CS20	Hoàng Mạnh	Dũng	12/02/1994		Kinh	V.07.04.32	Lịch sử	Trường THCS&THPT Xuân Trường	79,5		79,5	
11	CS21	Lê Cửu	Long	20/09/1998		Kinh	V.07.04.32	Sinh học	Trường THCS&THPT Tà Nung	68		68	
12	CS22	Lương Tiểu	Loan		20/06/1994	Kinh	V.07.04.32	Sinh học	Trường THCS&THPT Xuân Trường	63,5		63,5	
13	CS23	Nguyễn Minh	Tuấn	21/11/1999		Kinh	V.07.04.32	Địa lý	Trường THCS&THPT Đồng Đa	65,75		65,75	
14	CS24	Dong Gur K' Phon	Da		09/01/1994	Cil	V.07.04.32	Địa lý	Trường THCS&THPT Tà Nung	67,5	DTTS	72,5	
15	CS29	Nguyễn Thị Bảo	Uyên		01/02/1992	Kinh	V.07.04.32	Tiếng anh	Trường THCS&THPT Đạ Sar	56,5		56,5	
16	CS30	Nguyễn Hà Thùy	Tiên		26/03/1990	Kinh	V.07.04.32	Tiếng anh	Trường THCS&THPT Tà Nung	58		58	
17	CS32	Nguyễn Thị Như	Mỹ		12/09/1981	Kinh	V.07.04.32	Tiếng pháp	Trường THCS&THPT Tây Sơn	71,5		71,5	
18	CS33	Lơ Mu Ja	Bin	06/08/1991		Cil	V.07.04.32	Thể dục	Trường THCS&THPT Tà Nung	50,5	DTTS	55,5	
19	CS37	Nguyễn Thị	Huyền		04/12/1996	Kinh	V.07.04.32	GD&CD	Trường THCS&THPT Tây Sơn	72,5		72,5	
20	CS38	Trần Linh	Trâm		24/06/1989	Kinh	V.07.04.32	Mỹ thuật	Trường THCS&THPT Xuân Trường	80		80	
21	CS39	Hà	Vân		25/11/1993	Kinh	V.07.04.32	GD&CD	Trường Khiêm thính	96,5		96,5	
22	PT01	Nguyễn Đức	Hào	08/04/1999		Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trung tâm GDTX tỉnh	77,5		77,5	
23	PT04	Trần Thị Ngọc	Thắm		30/01/1999	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THCS&THPT Đạ Nhim	65,5		65,5	
24	PT05	Nguyễn Huyền	Trang		13/07/1996	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THCS&THPT Đạ Sar	80		80	
25	PT06	Trần Thị	Lộc		14/01/1991	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THCS&THPT Lộc Bắc	81,5		81,5	
26	PT07	Phạm Thị	Hiền		22/02/1990	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THCS&THPT Tà Nung	75,5		75,5	
27	PT09	Hoàng Ngọc	Châu		07/09/1996	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THCS&THPT Xuân Trường	84		84	
28	PT11	Lê Nguyễn Quỳnh	Trâm		15/11/1997	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THCS&THPT Xuân Trường	75		75	
29	PT13	Vũ Thị	Hạnh		11/06/1997	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THPT Bảo Lâm	80		80	

STT	Số BD	Họ và tên		Ngày sinh		Dân tộc	Đăng ký dự tuyển			Điểm Bài thi	Ưu tiên	Điểm Tổng	Ghi chú
				Nam	Nữ		Mã số CDNN	Môn	Đơn vị				
30	PT18	Cải K'	Thang		20/03/1999	M'Nông	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THPT Đạ Tông	65,5	DTTS	70,5	
31	PT19	Bùi Thị	Giang		28/10/1995	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	69	Con BB	74	
32	PT20	Lê Thị	Lê		02/01/1991	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	74,5		74,5	
33	PT23	Ninh Thị	Thủy		19/11/1998	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	80		80	
34	PT24	Phan Thị Ý	Nhi		22/09/1996	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	THPT Nguyễn Huệ	76		76	
35	PT26	Trần Kim	Trọng		15/07/1997	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THPT Lê Quý Đôn - Lâm Hà	71		71	
36	PT27	Nguyễn Thị	Diễm		24/04/1996	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	79		79	
37	PT28	Phạm Thị	Nhã		29/09/1997	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	81		81	
38	PT29	Phùng Thị	Trà		24/11/1996	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THPT Phan Đình Phùng	64,5		64,5	
39	PT31	Ka Thị	Hương		17/04/1996	Cơ ho	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THPT TT Đạm Ri	69,5	DTTS	74,5	
40	PT33	Nguyễn Thị Hương	Lan		05/08/1993	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THPT TT Đạm Ri	79		79	
41	PT36	Trương Thị Thiều	Trang		05/09/1998	Mường	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THPT TT Đạm Ri	76	DTTS	81	
42	PT37	Trần Thị Mai	Lan		25/01/1985	Kinh	V.07.05.15	Lịch sử	Trường THCS&THPT Lộc Bắc	79		79	
43	PT40	Phạm Thị	Hường		24/10/1990	Mường	V.07.05.15	Lịch sử	Trường THCS&THPT Xuân Trường	71,5	DTTS	76,5	
44	PT44	Nguyễn Thị Hương	Giang		10/12/1995	Kinh	V.07.05.15	Lịch sử	Trường THPT Tân Hà	86		86	
45	PT46	Hoàng Thị Diễm	Quỳnh		26/03/1996	Kinh	V.07.05.15	Toán học	Trường THCS&THPT Lộc Bắc	66		66	
46	PT48	Cù Thị Hải	Yến		20/05/1998	Kinh	V.07.05.15	Toán học	Trường THCS&THPT Lộc Bắc	71		71	
47	PT49	Nguyễn Thị Thùy	Dung		16/01/1992	Thái	V.07.05.15	Toán học	Trường THCS&THPT Võ Nguyên Giáp	77	DTTS	82	
48	PT52	Nguyễn Thị	Dung		25/09/1995	Kinh	V.07.05.15	Toán học	Trường THCS&THPT Xuân Trường	93		93	
49	PT58	Vũ Thanh	Hải	20/01/1985		Kinh	V.07.05.15	Toán học	Trường THPT Đạ Tông	81		81	
50	PT59	Nguyễn Phi	Hóa	06/10/1992		Kinh	V.07.05.15	Toán học	Trường THPT Đạ Tông	88		88	
51	PT62	Hồ Thị Thu	Thảo		10/07/1993	Kinh	V.07.05.15	Toán học	Trường THPT Hoàng Hoa Thám	89		89	
52	PT63	Dương Chu Ngọc	Cầm		04/12/1997	Kinh	V.07.05.15	Toán học	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	74,5		74,5	
53	PT66	Lê Văn	Dương	24/07/1991		Kinh	V.07.05.15	Toán học	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	88,5		88,5	
54	PT70	Lê Ngọc Minh	Thu		01/05/1997	Kinh	V.07.05.15	Toán học	Trường THCS&THPT Đạ Nhim	80		80	
55	PT72	Phùng Minh	Hiếu	23/04/1997		Kinh	V.07.05.15	Toán học	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	82		82	
56	PT73	Lê Thị Bích	Ngọc		13/02/1991	Kinh	V.07.05.15	Toán học	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	67		67	
57	PT77	Ngô Thị	Thơ		16/12/1991	Kinh	V.07.05.15	Toán học	Trường THPT Nguyễn Huệ	85		85	
58	PT78	Trần Văn	Tư	02/02/1994		Kinh	V.07.05.15	Toán học	Trường THPT Nguyễn Huệ	84		84	
59	PT82	Lê Thị	Ngọc		19/09/1995	Kinh	V.07.05.15	Toán học	Trường THPT Thăng Long	83		83	
60	PT86	Kơ Să Re Be	Ka		31/12/1993	Cil	V.07.05.15	Tin học	Trường THCS&THPT Đạ Nhim	58,5	DTTS	63,5	
61	PT87	Hồ Văn	Thuyền	12/10/1990		Kinh	V.07.05.15	Tin học	Trường THPT Cát Tiên	88,5		88,5	
62	PT89	Nông Đức	Mạnh	03/08/1988		Nùng	V.07.05.15	Tin học	Trường THPT Phan Đình Phùng	76	DTTS	81	

STT	Số BD	Họ và tên		Ngày sinh		Dân tộc	Đăng ký dự tuyển			Điểm Bài thi	Ưu tiên	Điểm Tổng	Ghi chú
				Nam	Nữ		Mã số CDNN	Môn	Đơn vị				
63	PT91	Nguyễn Thị Thanh	Loan		15/01/1995	Kinh	V.07.05.15	Sinh học	Trường THCS&THPT Dạ Nhím	81		81	
64	PT93	Rơ Ông K'	Luyện		10/03/1995	Cil	V.07.04.15	Sinh học	Trường THPT Dạ Tông	59,5	DTTS	64,5	
65	PT94	Ngô Quế	Hải		20/08/1997	Kinh	V.07.05.15	Vật lý	Trường THCS&THPT Lộc Bắc	73		73	
66	PT95	Nguyễn Thị	Nhàn		02/09/1988	Kinh	V.07.05.15	Vật lý	Trường THCS&THPT Lộc Bắc	66		66	
67	PT97	Nguyễn Trương Dương Cẩm			17/10/1996	Kinh	V.07.05.15	Vật lý	Trường THCS&THPT Tà Nung	76,5		76,5	
68	PT102	Cao Hoàng Hải	Lam		02/07/1991	Kinh	V.07.05.15	Vật lý	Trường THCS&THPT Võ Nguyên Giáp	66		66	
69	PT112	Trần Ngọc Trúc	Thy		10/01/1998	Kinh	V.07.05.15	Vật lý	Trường THCS&THPT Xuân Trường	85		85	
70	PT115	Vũ Hoàng Thanh	Trang		22/11/1998	Kinh	V.07.05.15	Vật lý	Trường THPT Cát Tiên	50		50	
71	PT116	Phạm Quỳnh Anh	Thư		06/11/1997	Kinh	V.07.05.15	Vật lý	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	70,5		70,5	
72	PT118	Huỳnh Ngọc	Chương	20/12/1997		Kinh	V.07.05.15	Vật lý	Trường THPT Nguyễn Huệ	76,5		76,5	
73	PT119	Võ Thục	Hiền		11/09/1996	Thái	V.07.05.15	Vật lý	Trường THPT Nguyễn Huệ	82	DTTS	87	
74	PT126	Phùng Thị Thái	Hà		15/11/1996	Tày	V.07.05.15	KTCN	Trường THPT Đức Trọng	80	DTTS	85	
75	PT131	Nguyễn Đình	Thịnh	20/09/1995		Kinh	V.07.05.15	GDQP&AN	Trường THCS&THPT Xuân Trường	81,5		81,5	
76	PT133	Lê Thị Khánh	Hòa		07/07/1996	Kinh	V.07.05.15	GDQP&AN	Trường THPT Chu Văn An	56		56	
77	PT136	Bạch Đình	Công	04/09/1996		Kinh	V.07.05.15	GDQP&AN	Trường THPT Dạ Tông	50,5		50,5	
78	PT138	Bùi Ngọc	Tinh	13/05/1994		Kinh	V.07.05.15	GDQP&AN	Trường THPT Lê Quý Đôn - Lâm Hà	50,25	Con TB	55,25	
79	PT140	Nguyễn Thị Thu	Hiền		06/02/1995	Kinh	V.07.05.15	Hóa học	Trường THCS&THPT Dạ Nhím	60		60	
80	PT143	Bùi Thị Việt	Anh		17/07/1994	Kinh	V.07.05.15	Hóa học	Trường THPT Dạ Tông	60,5		60,5	
81	PT144	Phan Thị Thảo	Sương		01/01/1997	Kinh	V.07.05.15	Hóa học	Trường THPT Lê Quý Đôn - Dạ Têh	50,5		50,5	
82	PT147	Trần Đức	Thắng	19/12/1983		Kinh	V.07.05.15	Hóa học	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	53,5	SQQĐ	58,5	
83	PT151	Nguyễn Thành	Trung	14/08/1997		Kinh	V.07.05.15	Hóa học	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	73,5		73,5	
84	PT152	Phạm Thị	Huệ		10/10/1989	Kinh	V.07.05.15	Hóa học	Trường THPT Tân Hà	64		64	
85	PT156	Trần Thị Thu	Hiền		18/06/1998	Kinh	V.07.05.15	Hóa học	Trường THPT Thăng Long	60,5		60,5	
86	PT161	Lê Nguyễn Đức	Hạnh		19/11/1997	Kinh	V.07.05.15	Hóa học	Trường THPT Trần Phú	71,5		71,5	
87	PT165	Phạm Thị	Phương		12/10/1989	Kinh	V.07.05.15	Hóa học	Trường THCS&THPT Lộc Bắc	59,5		59,5	
88	PT168	Phan Thị Tùng	Lâm		04/10/1999	Kinh	V.07.05.15	Hóa học	Trường THCS&THPT Võ Nguyên Giáp	51		51	
89	PT169	Lơ Mu Na	Siêm		30/08/1992	Cil	V.07.05.15	Địa lý	Trường THCS&THPT Dạ Nhím	60,5	DTTS	65,5	
90	PT171		Đina		04/03/1994	Cơ ho	V.07.05.15	Địa lý	Trường THCS&THPT Lộc Bắc	67,5	DTTS	72,5	
91	PT176	Huỳnh Phương	Tài		05/12/1999	Kinh	V.07.05.15	Địa lý	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	73,75		73,75	
92	PT180	Nguyễn Thị	Cúc		10/07/1996	Tày	V.07.05.15	Thể dục	Trường THPT Bảo Lâm	58	DTTS	63	
93	PT182	Liêng Hót Ha	Long	09/04/1993		Cil	V.07.04.15	Thể dục	Trường THPT Dạ Tông	56	DTTS	61	
94	PT184	Rơ Ông K'	Soi		13/02/1998	Cill	V.07.05.15	Thể dục	Trường THPT Dạ Tông	74	DTTS	79	
95	PT186	Nguyễn	Trà	01/02/1991		Kinh	V.07.05.15	Thể dục	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	74		74	

STT	Số BD	Họ và tên		Ngày sinh		Dân tộc	Đăng ký dự tuyển			Điểm Bài thi	Ưu tiên	Điểm Tổng	Ghi chú
				Nam	Nữ		Mã số CDNN	Môn	Đơn vị				
96	PT187	Phạm Văn	Lam	15/07/1991		Kinh	V.07.05.15	Thể dục	Trường THPT Lê Quý Đôn - Lâm hà	73		73	
97	PT188	Kiến Văn Đế	Nét		11/09/1992	Lạch	V.07.05.15	Tiếng anh	Trường THCS&THPT Đa Nhim	76	DTTS	81	
98	PT189	Nguyễn Thị Lan	Hương		10/09/1999	Kinh	V.07.05.15	Tiếng anh	Trường THCS&THPT Lộc Bắc	63		63	
99	PT190	Liêng Hot	K'Dim		20/02/1995	Cil	V.07.05.15	Tiếng anh	Trường THPT Đa Tông	71	DTTS	76	
100	PT192	K'	Trình		04/01/1995	Cơ ho	V.07.05.15	Tiếng anh	Trường THPT Đa Tông	72	DTTS	77	
101	PT193	Lê Thị Ngọc	Ánh		29/11/1999	Kinh	V.07.05.15	Tiếng anh	Trường THPT Lê Quý Đôn - Lâm Hà	76		76	
102	PT197	Nguyễn Thị Như	Ý		18/12/1999	Kinh	V.07.05.15	Tiếng anh	Trường THPT Nguyễn Huệ	83		83	
103	PT198	Phạm Thị Kim	Liên		17/09/1997	Kinh	V.07.05.15	Tiếng anh	Trường THPT Trần Phú	80,5		80,5	
104	PT200	Ka	Luyến		15/04/1997	Mạ	V.07.05.15	Tiếng anh	Trường THPT TT Đạm Ri	68,5	DTTS	73,5	
105	PT201	Trần Thị Hiếu	Thảo		20/04/1996	Kinh	V.07.05.15	Tiếng anh	Trường THPT TT Đạm Ri	57		57	
106	PT202	Đàm Thị	Hạnh		06/09/1998	Tày	V.07.05.15	GDCD	Trường THCS&THPT Lộc Bắc	69	DTTS	74	
107	PT205	Nguyễn Văn	Linh	24/07/1987		Kinh	V.07.05.15	GDCD	Trường THCS&THPT Võ Nguyên Giáp	77		77	
108	PT206	Đình Thị	Hải		12/04/1993	Kinh	V.07.05.15	GDCD	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	71		71	
109	PT207	Phan Minh	Chiến		10/06/1992	Kinh	V.07.05.15	GDCD	Trường THPT Thăng Long	67,5		67,5	
110	PT212	Nguyễn Thúc	Hiền		22/05/1998	Kinh	V.07.05.15	Ngữ văn	Trường THPT Chuyên Thăng Long	81		81	
111	PT213	Đào Sơn	Trà	16/01/1998		Kinh	V.07.05.15	Toán học	Trường THPT Chuyên Thăng Long	91		91	
112	PT217	Huỳnh Quang	Khải	23/02/1996		Kinh	V.07.05.15	Hóa học	Trường THPT Chuyên Thăng Long	93		93	
113	PT220	Nguyễn Ngô Mỹ	Xuân		24/03/1996	Kinh	V.07.05.15	Tiếng anh	Trường THPT Chuyên Thăng Long	56		56	
114	PT221	Nguyễn Lâm Thùy	Linh		03/04/1992	Kinh	V.07.05.15	Vật lý	Trường THPT Chuyên Thăng Long	80		80	
115	PT223	Nguyễn Thị	Hà		07/12/1991	Kinh	V.07.05.15	Vật lý	Trường THPT Chuyên Bảo Lộc	74,5		74,5	
116	PT225	Nguyễn Thùy	Trang		23/02/1998	Kinh	V.07.05.15	Vật lý	Trường THPT Chuyên Bảo Lộc	80,5		80,5	

Danh sách này có 116 người.